

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT PTSC THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2362/TH-TCKT

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 10 năm 2024

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
trên 10% của Quý 3 năm 2024 so với Quý 3 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, **áp dụng tại Mục a, Khoản 4 Điều 14**: Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước”. Căn cứ vào Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2024, PTSC Thanh Hóa có giải trình như sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 3 năm 2024 (6.38 tỷ đồng) giảm 6.56 tỷ đồng (tương đương 50.70%) so với Quý 3 năm 2023 (12.94 tỷ đồng) chủ yếu do biến động của các khoản mục sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| STT | Khoản mục | Q3/2024 | Q3/2023 | Chênh lệch | Tỷ lệ tăng/giảm | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|---------------|---------------|--------------|-----------------|---|
| 1 | Doanh thu | 298.28 | 225.67 | 72.61 | 32.18% | |
| 1.1 | Dịch vụ căn cứ cảng | 56.92 | 54.45 | 2.47 | 4.54% | |
| 1.2 | Dịch vụ logistics | 26.22 | 10.31 | 15.91 | 154.32% | |
| 1.3 | Dịch vụ tàu | 52.64 | 41.66 | 10.98 | 26.36% | |
| 1.4 | Dịch vụ cơ khí | 106.41 | 3.11 | 103.3 | 3321.54% | |
| 1.5 | Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng | 56.09 | 116.14 | -60.05 | -51.70% | |
| 2 | Lợi nhuận gộp | 34.00 | 24.97 | 9.03 | 36.16% | |
| 2.1 | Dịch vụ căn cứ cảng | 20.62 | 16.13 | 4.49 | 27.84% | |
| 2.2 | Dịch vụ logistics | 3.00 | 0.93 | 2.07 | 222.58% | |
| 2.3 | Dịch vụ tàu | -0.20 | 4.11 | -4.31 | -104.87% | DT gói tàu tăng nhưng LNG giảm do chủ yếu doanh thu tăng đến từ nhiên liệu (back to back), đồng thời tăng chi phí docking các tàu trong kỳ. |
| 2.4 | Dịch vụ cơ khí | 1.62 | -2.12 | 3.74 | 176.42% | |
| 2.5 | Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng | 8.96 | 5.92 | 3.04 | 51.35% | |



| STT | Khoản mục | Q3/2024 | Q3/2023 | Chênh lệch | Tỷ lệ tăng/giảm | Ghi chú |
|-----|------------------------------|-------------|--------------|--------------|--------------------|--|
| 3 | Chi phí quản lý | 21.17 | 11.94 | 9.23 | 77.30% | Chi phí dự phòng tăng. |
| 4 | Thu nhập hoạt động tài chính | -0.6 | 0.57 | -1.17 | -205.26% | Doanh thu hoạt động tài chính giảm, đồng thời phát sinh chi phí lãi vay ngân hàng. |
| 5 | Thu nhập khác | -5.15 | - | -5.15 | | Do ghi nhận bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty. |
| 6 | Thuế TNDN | 0.70 | 0.67 | 0.03 | 4.48% | Do mức thuế suất thay đổi từ 5% lên 10%. |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | 6.38 | 12.94 | -6.56 | -50.70% | |

Trên đây là giải trình cho các chênh lệch chủ yếu của Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2024 so với Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2023 của Công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/cáo);
- Lưu: TCKT, TK, VT.

GIÁM ĐỐC



PHẠM HÙNG PHƯƠNG